**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**(*Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)***

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE**

***(Quý 3/2025)***

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ**

Tên quỹ: **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb**

 Loại hình quỹ: **Quỹ mở**

1. **Mục tiêu của Quỹ:**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư, phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

1. **Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

|  |  |
| --- | --- |
| NAV ngày 30/09/2024 (VNĐ) | NAV ngày 30/09/2025 (VNĐ) |
| 129.488.418.734 | 135.982.101.927 |

Tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 5,01% so với giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ cùng kỳ năm trước.

1. **Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín.

Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở giao dịch chứng khoán.

1. **Phân loại Quỹ:**

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 04 năm 2019.

1. **Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

1. **Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp.

1. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03/04/2019.

1. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |
| --- | --- |
| Vốn của quỹ theo mệnh giá (đồng) | 99.891.769.900 |
| Số lượng CCQ đang lưu hành (CCQ) | 9.989.176,99 |

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 9.989.176,99 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 99.891.769.900 VNĐ.

1. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX.

1. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

1. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ**:

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 0 VNĐ.

**II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

1. **Cơ cấu tài sản quỹ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30/09/2025****(%)** | **30/09/2024****(%)** | **30/09/2023****(%)** |
| 1. Trái phiếu niêm yết
 | 20,41 | 4,05 | 0 |
| 1. Trái phiếu chưa niêm yết
 | 8,81 | 7,71 | 0 |
| 1. Tiền gửi ngân hàng
 | 1,99 | 3,15 | 0,79 |
| 1. Các khoản tương đương tiền
 | 0 | 0 | 0 |
| 1. Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng
 | 36,32 | 61,35 | 83,38 |
| 1. Chứng chỉ tiền gửi
 | 29,72 | 15,80 | 10,61 |
| 1. Khác
 | 2,76 | 7,95 | 5,22 |
| **Cộng** | **100,00** | **100,00** | **100,00** |

1. **Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/09/2025** | **30/09/2024** | **30/09/2023** |
| 2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)  | 135.982.101.927 | 129.488.418.734 | 122.348.221.700 |
| 2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) | 9.989.176,99 | 9.990.642,66 | 9.994.319,08 |
| 2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VNĐ) | 13.612,94 | 12.960,96 | 12.241,77 |
| 2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 13.612,94 | 12.960,96 | 12.241,77  |
| 2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 13.464,54 | 12.793,88 | 12.055,43 |
| 2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A (\*) |
| 2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A (\*) |
| 2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A (\*) |
| 2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ so với cùng kỳ năm trước. | 5,03 | 5,87 | 6,02 |
| 2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 0,05 | (0,05) | 0,00 |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) so với cùng kỳ năm trước. | 4,98 | 5,93 | 6,02 |
| 2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) |
| 2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) |
| 2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) |
| 2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1,85 | 1,90 | 1,95 |
| 2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 17,73 | 15,54 | 0 |

1. **Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm** |
| - 1 năm | 5,03 | 5,03 |
| - 3 năm | 17,89 | 5,64 |
| - Từ khi thành lập | 36,13 | 4,86 |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | 27,04% (\*\*\*) | 1,06% |

1. **Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **30/09/2025****(%)** | **30/09/2024****(%)** | **30/09/2023****(%)** | **30/09/2022****(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 5,03 | 5,87 | 6,02 | 3,78 |

***Ghi chú:***

*N/A (\*): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

*N/A (\*\*): Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.*

*(\*\*\*): Quỹ áp dụng chỉ số tham chiếu là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo.*

**III.** **MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

1. **Kinh tế Vĩ mô:**

**Tổng sản phẩm trong nước (GDP)**

GDP quý 3 tăng trưởng 8,23% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,74%, đóng góp 5,04% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,46%, đóng góp 46,41%; khu vực dịch vụ tăng 8,56%, đóng góp 48,55%.

GDP 9 tháng năm 2025 ước tăng 7,85% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 9,44% của cùng kỳ năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 5,36% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,69%, đóng góp 43,05%; khu vực dịch vụ tăng 8,49%, đóng góp 51,59%. Về cơ cấu nền kinh tế chín tháng năm 2025, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,58%; khu vực dịch vụ chiếm 42,92%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,20% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2024 là 11,57%; 37,59%; 42,49%; 8,35%).

Theo Nghị quyết số 226/NQ-CP ban hành ngày 5/8/2025, mục tiêu tăng trưởng kinh tế GDP năm 2025 được điều chỉnh thành 8,3–8,5%, thay thế cho mục tiêu “8% trở lên” được đề ra trước đó tại Nghị quyết số 25/NQ-CP.

|  |
| --- |
| **Hình 1: Tăng trưởng GDP theo Quý qua các năm** |
| A graph with numbers and lines  AI-generated content may be incorrect. |
| *Nguồn: Cục Thống Kê* |

Tính đến ngày 29/9, theo số liệu của NHNN, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế ước đạt 13,37% so với cuối năm 2024. NHNN đã triển khai đồng bộ các giải pháp ngay từ đầu năm. Mặt bằng lãi suất cho vay được định hướng giữ ở mức thấp tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân. NHNN cũng chỉ đạo các TCTD tiết giảm chi phí, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ đồng thời định hướng tín dụng tập trung vào sản xuất, lĩnh vực ưu tiên và ngành tăng trưởng. Tín dụng bất động sản cải thiện nhờ tháo gỡ vướng mắc, nhiều dự án được tái khởi động. Giải ngân đầu tư công tăng mạnh (+66%) so với cuối năm 2024.

1. **Lạm phát**

Trong tháng 9, CPI tổng thể tăng 3,38% so với cùng kỳ (tăng 0,42% so với tháng trước) sau khi tăng 3,24% so với cùng kỳ trong tháng 8. Lạm phát tăng lên chủ yếu do chi phí giao thông tăng. Sau 13 tháng giảm phát liên tiếp, chi phí giao thông tăng 1,46% so với cùng kỳ trong tháng 9/2025, tương đương tăng 0,58% so với tháng trước (tỷ trọng 9,67% trong giỏ CPI và đóng góp tăng 0,06 điểm phần trăm vào CPI tổng thể). Trong nhóm này, giá nhiên liệu tăng 1,85% so với tháng trước, sau nhiều lần điều chỉnh giá xăng dầu trong tháng. Trong khi đó, lạm phát cơ bản tăng 3,19% so với cùng kỳ sau khi tăng 3,25% so với cùng kỳ trong tháng 8, tháng giảm thứ 3 liên tiếp. Bình quân chín tháng năm 2025, CPI tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước.

|  |
| --- |
| **Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các tháng** |
| A graph with different colored lines  AI-generated content may be incorrect. |
| *Nguồn: Cục Thống Kê.* |

1. **Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá**

Trong Quý 3/2025, kim ngạch xuất khẩu đạt 128,57 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm trước và tăng 9,6% so với Quý 2/2025. Tính chung chín tháng năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 348,74 tỷ USD, tăng 16,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 85,41 tỷ USD, tăng 2,0%, chiếm 24,5% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 263,33 tỷ USD, tăng 21,4%, chiếm 75,5%.

Trong Quý 3/2025, kim ngạch nhập khẩu đạt 119,66 tỷ USD, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm trước và tăng 6,3% so với Quý 2/2025. Tính chung chín tháng năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 331,92 tỷ USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 105,67 tỷ USD, tăng 4,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 226,25 tỷ USD, tăng 26,8%.

Theo số liệu sơ bộ, cán cân thương mại hàng hóa tháng 9 xuất siêu 2,85 tỷ USD. Tính chung 9 tháng năm 2025, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 16,82 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 21,15 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 20,26 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 37,08 tỷ USD.

1. **Hoạt động đầu tư**

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội Quý 3/2025 theo giá hiện hành ước đạt 1.100,1 nghìn tỷ đồng, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính chín tháng năm 2025, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 2.701,8 nghìn tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/9/2025 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 28,54 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam chín tháng năm 2025 ước đạt 18,80 tỷ USD, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của chín tháng trong 5 năm qua.

1. **Thị trường chứng khoán**

Quý 3/2025, VN-Index ghi nhận một nhịp bứt phá hiếm thấy: sau khi vượt mốc 1.700 điểm đầu tháng 9, chỉ số nhanh chóng bước vào trạng thái giằng co quanh vùng đỉnh và chốt tháng 9 ở 1.661,7 điểm (-1,2% so với đầu tháng). Tính cho cả quý, VN-Index tăng hơn 285 điểm, tương đương +20,6% so với cuối Quý 2 — thuộc nhóm giai đoạn khởi sắc nhất trong 5 năm gần đây. Động lực tăng tập trung chủ yếu ở nhóm vốn hóa lớn (blue-chips); trong khi nhiều mã cơ bản tốt chưa tăng tương xứng, phản ánh mức độ phân hóa rõ nét của thị trường. Các nhóm dẫn dắt nổi bật gồm ngân hàng, vật liệu xây dựng, bán lẻ và chứng khoán. Về bối cảnh và lực đỡ tâm lý, nhịp bứt phá được củng cố bởi kỳ vọng vĩ mô thuận lợi (Fed đã hạ lãi suất, áp lực tỷ giá hạ nhiệt, triển vọng tín dụng cải thiện), cùng câu chuyện chờ kết quả nâng hạng từ FTSE — kịch bản tích cực nhất có thể thu hút tối đa khoảng 10,4 tỷ USD vốn ngoại vào thị trường. Nhìn chung, Quý 3 khép lại với mặt bằng điểm số cao, trạng thái tích lũy ở vùng đỉnh sau khi vượt 1.700 điểm và sự quay vòng dòng tiền ưu tiên các cổ phiếu trụ. Diễn biến Quý 4 phụ thuộc vào nhịp xác nhận của tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp và các diễn biến kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước.

1. **Thị trường trái phiếu**

Trong 9 tháng 2025, sơ cấp TPCP duy trì nhịp phát hành với 155 đợt nhưng mức độ hấp thụ suy yếu dần theo quý: KBNN gọi thầu tổng cộng 468.000 tỷ đồng và trúng thầu 255.689 tỷ đồng, tương đương 51,1% kế hoạch năm 500.000 tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu trung bình khoảng 54,7% (Q1: 69,2%, Q2: 58,8%, Q3: 35,3%). Cấu trúc kỳ hạn tiếp tục tập trung vào 10 năm với 215.147 tỷ đồng, chiếm khoảng 84% tổng trúng thầu 9 tháng; các kỳ hạn 5/15/20/30 năm lần lượt đạt 25.900/11.149/500/2.993 tỷ đồng, trong khi 3 năm không được gọi thầu. Kỳ hạn phát hành bình quân 9 tháng xấp xỉ 10 năm; lãi suất phát hành bình quân đi lên qua từng quý (2,91% → 2,93% → 3,37%), cho mức bình quân gộp khoảng 3,02%, phản ánh áp lực huy động vốn đầu tư công, nhu cầu vốn hệ thống và chênh lệch lợi suất Việt–Mỹ. Trên thị trường thứ cấp, thanh khoản cải thiện rõ rệt: tổng giá trị giao dịch TPCP và TPCPBL 9 tháng đạt 2.759.065 tỷ đồng, trong đó outright 1.943.171 tỷ đồng (chiếm 70%) và repo 815.895 tỷ đồng; giá trị theo quý lần lượt là 791.820 → 880.118 → 1.087.127 tỷ đồng. Giao dịch outright tăng đều, kỳ hạn 5–10 năm chiếm tỷ trọng lớn; repo tập trung ở kỳ hạn 14 ngày với lãi suất dao động theo quý quanh 3,6–4,4%.

|  |
| --- |
| **Hình 3: Lãi suất phát hành trung bình các kỳ hạn Trái phiếu Chính phủ** |
| A graph with numbers and colored dots  AI-generated content may be incorrect. |
| *Nguồn: VBMA* |

Trong 9 tháng 2025, quy mô thị trường TPDN nhìn chung đi ngang ở mức 1,2 triệu tỷ đồng và đến cuối quý 3 đạt khoảng 1,27 triệu tỷ đồng (7,4% tổng dư nợ tín dụng). Lượng phát hành mới tăng mạnh theo quý rồi hạ nhiệt: Q1 đạt 18.604 tỷ đồng, Q2 lập kỷ lục 204.935 tỷ đồng, Q3 còn 129.319 tỷ đồng, đưa lũy kế 9 tháng lên 352.858 tỷ đồng, trong đó 12,3% là phát hành ra công chúng (43.284 tỷ) và 87,7% là riêng lẻ (309.574 tỷ). Ngân hàng dẫn dắt nguồn cung với khoảng 256.739 tỷ đồng (72,8% lũy kế), tiếp theo là bất động sản khoảng 67.858 tỷ (19,2%) và chứng khoán 5.800 tỷ; cấu trúc kỳ hạn nghiêng mạnh về 1–3 năm (67% giá trị lũy kế). Lãi suất phát hành bình quân 9 tháng xấp xỉ 6,90%/năm, kỳ hạn bình quân khoảng 4.0 năm; biến động theo quý phản ánh lãi suất bình quân giảm ở Q2 cùng làn sóng phát hành riêng lẻ quy mô lớn, rồi nhích lên ở Q3. Thanh khoản thứ cấp cải thiện dần qua từng quý với tổng giá trị giao dịch trái phiếu riêng lẻ đạt khoảng 1.007.320 tỷ đồng trong 9 tháng (Q1: 274.478; Q2: 340.762; Q3: 392.080), giá trị bình quân ngày tăng từ ~4,7 lên ~6,1 nghìn tỷ đồng; giao dịch tập trung ở trái phiếu ngân hàng và bất động sản. Hoạt động quản trị nợ tiếp tục sôi động khi tổng mua lại trước hạn đạt 189.098 tỷ đồng (Q1: 22.686; Q2: 73.117; Q3: 93.295). Chất lượng thanh toán cải thiện sau khi đột biến ở Q2: giá trị chậm trả mới lũy kế 9 tháng khoảng 9.051 tỷ đồng, riêng Q3 giảm 80% so với Q2 và đã có 639 tỷ đồng được khắc phục; áp lực đáo hạn phía trước thu hẹp về 48.080 tỷ đồng trong quý 4/2025 (trong đó ~38% BĐS, ~29% ngân hàng). Tổng thể, bức tranh 9 tháng cho thấy nguồn cung do khối ngân hàng dẫn dắt với kỳ hạn rút ngắn, chi phí vốn bình quân giữ ở vùng 6–7% và thanh khoản thứ cấp cải thiện, trong khi rủi ro chậm trả hạ nhiệt trở lại sau đỉnh Q2.

|  |
| --- |
| **Hình 4: Tỷ trọng phát hành TPDN theo nhóm ngành Q3/2025 (vòng ngoài) và Q3/2024 (vòng trong)** |
| A blue circle with different colored numbers  AI-generated content may be incorrect. |
| *Nguồn: VBMA* |

**IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

1. **Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 4,98 | 17,90 | 36,00 |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 0,05 | (0,01) | 0,13 |
| **Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ** | **5,03** | **17,89** | **36,13** |
| Tăng trưởng hàng năm NAV/1 đơn vị CCQ | 5,03 | 5,64 | 4,86 |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A (1) | N/A (1) | N/A (1) |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | N/A (2) | N/A (2) | N/A (2) |

***Ghi chú:***

*N/A (1): Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu.*

*N/A (2): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

● Biểu đồ tăng trưởng NAV/CCQ của Quỹ trong 3 tháng gần nhất:

● Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/09/2025** | **30/09/2024** | **Tỷ lệ thay đổi** |
| A | 1 | 2 | 3= ((1) - (2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 135.982.101.927 | 129.488.418.734 | 5,01% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 13.612,94 | 12.960,96 | 5,03% |

Trong giai đoạn từ 30/09/2024 đến 30/09/2025 giá trị tài sản ròng của Quỹ tăng 5,01% chủ yếu do lợi nhuận từ kết quả đầu tư mang lại.

1. **Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
| *A* | *1* | *2* | *3* |
| Dưới 5.000 | 116 | 29.687,15 | 0,30% |
| Từ 5.000 - 10.000 | 0 | 0 | 0,00% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 0 | 0 | 0,00% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 0 | 0 | 0,00% |
| Trên 500.000 | 1 | 9.959.489,84 | 99,70% |
| **Tổng cộng** | **117** | **9.989.176,99** | **100,00%** |

**Ghi chú:** *Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.*

1. **Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**V.** **THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Trong bối cảnh chiến tranh thương mại căng thẳng và các diễn biến bất định của địa chính trị thế giới, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam đứng trước nhiều khó khăn trong năm 2025 ảnh hưởng đến việc kiểm soát các biến số vĩ mô cũng như triển vọng phát triển của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, từ nội tại thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 được kỳ vọng sẽ có những bước phát triển mới nhờ hệ thống giao dịch mới và tiếp tục được nâng cấp trong thời gian tới, đặc biệt là với kỳ vọng nâng hạng thị trường và sự hoàn thiện khung pháp lý. Thị trường cổ phiếu được nhiều yếu tố hỗ trợ từ hệ thống giao dịch mới và việc đã được nâng hạn lên thị trường mới nổi, mặt bằng lãi suất cho vay được hạ thấp và kinh tế tiếp tục tăng trưởng nhờ cải cách thể chế và môi trường kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư công và thu hút đầu tư FDI chất lượng cao. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp cũng được kỳ vọng tiếp tục phục hồi và phát triển, được hỗ trợ bởi nhu cầu vốn cao và niềm tin của nhà đầu tư quay trở lại. Tuy nhiên, cần lưu ý đến những thách thức từ bối cảnh chiến tranh thương mại toàn cầu, áp lực lạm phát và tỷ giá. Nhìn chung, thời gian còn lại của năm 2025 mang đến nhiều thách thức nhưng cũng có nhiều hơn các cơ hội đầu tư hấp dẫn trên cả thị trường trái phiếu và cổ phiếu, đòi hỏi sự thận trọng và phân tích kỹ lưỡng.

Từ các phân tích thị trường, Quỹ CBPF sẽ tiếp tục tận dụng các cơ hội từ thị trường sơ cấp cũng như thứ cấp để gia tăng lợi suất đầu tư tuy nhiên vẫn duy trì sự cẩn trọng trong quản trị rủi ro của từng khoản đầu cũng như của toàn bộ danh mục.

**VI. THÔNG TIN KHÁC**

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 52/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013.

**Nhân sự Ban điều hành công ty Quản lý quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Nguyễn Hồng Sơn | Chủ tịch Công ty | CPA | Từ 1991 - 1992: Kế toán tổng hợp - Xí nghiệp Quốc doanh In số 2Từ 1992 - 1993: Quản lý Kho - Công ty Ajinomoto Việt NamTừ 1993 - 1998: Kiểm toán viên - Công ty TNHH KPMG Việt NamTừ 1998 - 2000: Kiểm toán viên - Công ty KPMG Peat MarwickTừ 2000 - 2003: Kiểm toán viên - Công ty TNHH KPMG Việt NamTừ 2003 - 2005: Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH Cargill Việt NamTừ 2005 - 2014: Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt NamTừ 2013 - 2019: Phó Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb LifeTừ 2014 - 2019: Phó Tổng giám đốc Phụ trách Tài chính - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt NamTừ 2019 - 2021: Tổng Giám đốc - Công ty Chubb Life Insurance Myanmar LimitedTừ 2021 - nay: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt NamTừ 2024 - nay: Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life |
| Nguyễn Trọng Nghĩa | Phó Chủ tịch Công ty | Đại học Chuyên ngành Toán Tin – Đại Học Khoa học Tự nhiên.Thành viên hiệp hội định phí Hoa Kỳ | Từ 6/2008 đến 6/2014: Phó Trưởng phòng – Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Chubb Việt NamTừ 7/2014 đến 4/2019: Giám đốc – Công ty TNHH Manulife Việt NamTừ 5/2019 đến 4/2020: Phó Chủ tịch – Công ty Bảo hiểm Allianz AyudhyaTừ 5/2020 – 6/2023: Phó Tổng Giám đốc – Công ty Bảo Hiểm Nhân Thọ Generali Việt NamTừ 7/2023 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Chubb Việt NamTừ 6/2024 - nay: Phó Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life |
| Đặng Thị Hồng Loan | Giám đốc Công ty | CFA | Từ 2010 - 2016: Trưởng phòng cấp cao Đầu tư và Ngân Quỹ Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt NamTừ 2016 - 2019: Phó Giám đốc bộ phận chiến lược xây dựng và phân tích Kế hoạch tài chính Công ty tài chính Prudential Việt NamTừ 12/2019 - nay: Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life |

**Ban đại diện quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Trịnh Thanh Cần | Chủ tịch  | Cử nhân | Từ 2000 - 2002: Trợ lý nghiên cứu -Công ty Quản lý quỹ Tower MỹTừ 2002 - 2003: Chuyên viên - Ngân hàng Downey Savings - MỹTừ 2003 - 2005: Chuyên viên đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Vinacapital Việt NamTừ 2005 - 2006: Giám đốc Quan hệ KH - Ngân hàng HSBC Việt NamTừ 2006 - 2007: Giám đốc đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Bản ViệtTừ 2007 - 2011: Giám đốc phân tích - Công ty Chứng khoán Bản ViệtTừ 2011 - 2015: Giám đốc điều hành khối Tư vấn tài chính Doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán HSCTừ 2015 - 2022: Tổng giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACBTừ 4/2022 – nay: Tổng giám đốc - Công ty CP Chứng khoán KAFI |
| Nguyễn Trọng Đức | Thành viên  | Thạc sỹ | Từ 1995 - 1999: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán KPMGTừ 1999 - 2000: Trưởng phòng KTNB - Công ty Victoria Việt Nam GroupTừ 2000 - 2002: Giám đốc tài chính tập đoàn - Công ty Victoria Việt Nam GroupTừ 2002 - 2004: Giám đốc tài chính - Công ty Philips Electronics Việt nam.Từ 2004 - 2015: Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam. Từ 2015 - 2018: Giám đốc điều hành hoạt động/Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt NamTừ 6/2018 - 2019: Tổng giám đốc - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam. |
| Trần Việt Hương | Thành viên | Luật sư | Từ 1995 - 1997: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty kiểm toán và tư vấn Cooper & Lybrand – AISCTừ 1998 - 2000: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty Kiểm toán KPMGTừ 2000 - 2003: Phó trưởng Đại diện - VPĐD Pacific Rim Enterprises, LLCTừ 2003 - 2006: Phó giám đốc - Công ty TNHH Nhiệt ĐớiTừ 2006 - 2008: Phó Tổng giám đốc - Công ty CP An GiaTừ 2011 - nay: Luật sư thành viên - Công ty luật AvenirTừ 2010 - nay: Giám đốc Điều hành - Công ty TNHH Mễ Tân |

**Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Nguyễn Thị Bích Ngọc | Thành viên | Cử nhân | Từ 10/2003 – 12/2006: Nhân viên giao dịch – Cty Cổ phần Chứng Khoán Mê Kông.Từ 1/2007 – 10/2011: Trưởng phòng DVKH – Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam.Từ 11/2011 – 12/2012: Trưởng phòng Môi giới – Cty CP Chứng khoán Golden Bridge.Từ 1/2013 – 12/2013: Phụ trách phòng Phát triển khách hàng – Công ty CP Chứng khoán MB.Từ 1/2014 – 10/2014: Nhân viên nghiệp vụ Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life.Từ 11/2014 – 4/2015: Phụ trách phòng Phát triển khách hàng – Công ty CP Chứng khoán MB.Từ 5/2015 – nay: Trưởng phòng Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. |
| Đinh Thị Hồng Vân | Thành viên | Cử nhân | Từ 09/2011-12/2011: Nhân viên phân tích tài chính – Công ty CP Đầu tư Long Quân.Từ 01/2012-01/2020: Nhân viên phân tích đầu tư - Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Việt Long.Từ 02/2020 – 09/2020: Phó Giám đốc Tài chính – Kế hoạch Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV Từ 09/2020 đến nay: Giám sát cấp cao - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ CHUBB LIFE****Chủ tịch Công ty****Nguyễn Hồng Sơn** |